

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26-5-2022
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Đăng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Sĩ

2. Ông Nguyễn Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lý Phước Bền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2021/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Vũ K, sinh năm 1994 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp N A, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị P, sinh năm 1999 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N A, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Vũ K trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh và chị Trần Thị P xác lập hôn nhân, tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán và cùng đi đăng ký kết hôn vào ngày 08/11/2019 tại Ủy ban nhân dân xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và cùng đi làm, đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về cách sống, thường xuyên cãi vã với nhau, từ đó dẫn đến vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng và không còn sống chung khoảng 01 năm nay, không liên lạc, không

có giải pháp đoàn tụ với nhau nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị P.

- *Về con chung, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Anh không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị P là bị đơn trong vụ án vắng mặt lần thứ hai không lý do nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ đương sự nhưng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh K, xử cho anh K được ly hôn với chị P, về con chung, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả, do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Đề nghị buộc anh K phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị Trần Thị P là bị đơn trong vụ án, đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị P theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy anh K khởi kiện chị P yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị P, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân:* Xét thấy anh K và chị P xác lập hôn nhân và cùng đăng ký kết hôn vào ngày 08/11/2019 tại Ủy ban nhân dân xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

- *Anh K khai:* Quá trình chung sống do không hợp nhau về tính cách dẫn đến bất hòa về tình cảm, lối sống, thường xuyên mâu thuẫn cãi vã lẫn nhau, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, đã ly thân khoảng 01 nay, mạnh ai nấy sống, không còn liên lạc với nhau nên tình cảm không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã liên lạc, thông báo cho chị P biết về việc bị khởi kiện, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và triệu tập chị đến Tòa án giải quyết nội dung vụ án nhưng chị P vẫn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, anh K và chị P đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng, đã ly thân khoảng 01 năm nay, nhưng anh K và chị P không tạo điều kiện gặp nhau để hàn gắn đoàn tụ gia đình dẫn đến mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ đó, thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị P không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh K, xử cho anh K được ly hôn với chị P là phù hợp quy định pháp luật.

- *Về con chung*: Anh K khai, vợ chồng chung sống chưa có con chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả*: Đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Vũ K phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Xét thấy quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh đề nghị như nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Vũ K.

- *Về hôn nhân*: Xử cho anh Nguyễn Vũ K được ly hôn với chị Trần Thị P.

- *Về án phí*: Buộc anh Nguyễn Vũ K nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006714, ngày 06/12/2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh thu. Anh K đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo*: Anh Nguyễn Vũ K có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã M, thị xã
N, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Đăng